

PHỤ LỤC

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN

(Biểu đính kèm Quyết định số 2658/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

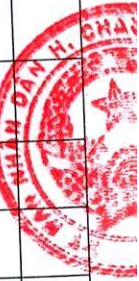
TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chi tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Theo Quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 13/09/2024)	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2025			Ghi chú
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:		
									Ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	TỔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN							574.931	152.380	422.551	102.011	29.967	39.925			
I	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ							0	0	0	26.098	500	800			
II	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ							574.931	152.380	422.551	75.913	29.467	38.125			
1	Dự án chuyển tiếp							458.263	123.208	335.055	68.117	25.967	33.829			
2	Dự án khởi công mới							116.668	29.172	87.496	7.796	3.500	4.296			
III	BỐ TRÍ CÁC NHIỆM VỤ KHÁC															
1	Nguồn thu tiền sử dụng đất (dành 10% kinh phí đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)												1.000			
	PHÂN BỐ CHI TIẾT							574.931	152.380	422.551	102.011	29.967	39.925			
A	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TẬP TRUNG							521.583	139.887	381.696	53.274	19.441	29.925			
	CHI TIẾT DỰ ÁN THEO TỪNG NGÀNH, LĨNH VỰC							521.583	139.887	381.696	53.274	19.441	29.925			
1	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP							446.714	110.366	336.348	42.274	18.912	20.672			
1.1	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ										2.624	500	300			
1	Trường THCS Tân Phú	TP				2024-2026					1.800	500	200			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Theo Quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 13/09/2024)	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2025			Ghi chú
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:		
									Ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
2	Trường THCS Hòa Bình Thạnh điểm phụ (Hòa Hưng)	HBT				2024-2026					824	0	100			
1.2	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ							446.714	110.366	336.348	39.650	18.412	20.372			
*	Dự án chuyển tiếp							330.046	81.194	248.852	32.550	14.912	16.772			
1	Trường MG Tân Phú điểm chính (Tân Lợi)	TP		8071399		2023-2026	63/QĐ-UBND 05/01/2024; 772/QĐ-UBND 13/5/2024	25.382	7.325	18.057	2.000	1.373	627			
2	Trường TH A Tân Phú điểm chính (Tân Thành)	TP		8034285		2023-2025	911/QĐ-UBND 22/6/2023; 854/QĐ-UBND 24/5/2024	26.860	6.582	20.278	2.600	1.400	1.000			
3	Trường TH Vĩnh Lợi điểm chính (Hòa Lợi 1)	VL		8042959		2023-2026	1325/QĐ-UBND 17/8/2023; 961/QĐ-UBND 12/6/2024	41.122	11.180	29.942	4.500	2.450	2.050			
4	Trường TH A Vĩnh An điểm chính (Vĩnh Quới)	VA		8037332		2023-2026	1122/QĐ-UBND 13/7/2023; 771/QĐ-UBND 13/5/2024	37.735	9.476	28.259	3.891	2.610	1.281			
5	Trường MG Bình Thạnh	BT		8027343		2022-2025	651/QĐ-SXD 15/5/2023; 954/QĐ-UBND 11/6/2024	34.464	7.566	26.898	3.071	2.022	1.049			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại; khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Theo Quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 13/09/2024)	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2025			Ghi chú
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:		
									Ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
6	Trường TH B Bình Thạnh điểm chính (Thạnh Hòa)	BT		8026319		2022-2025	617/QĐ-UBND ngày 09/5/2023; 1508/QĐ-UBND ngày 18/9/2023; 4374/VP UBND-KTN ngày 23/08/2024	32.858	7.410	25.448	2.600	1.499	1.100			
7	Trường THCS Vĩnh Lợi	VL		8027342		2024-2026	474/QĐ-UBND 13/4/2023	25.101	5.640	19.461	1.400	839	561			
8	Trường TH B Bình Hoà điểm chính (ấp Bình Phú 1)	BH		8115920		2023-2025	429/QĐ-UBND 24/11/2023	3.006	3.006		1.800	0	1.139			
9	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021-2025 huyện Châu Thành	Các xã		8036439		2021-2025	1078/QĐ-UBND 07/7/2023	85.584	17.856	67.728	6.188	2.019	4.165			
10	Chương trình đầu tư xây dựng cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh và công trình nước sạch cho các điểm trường trên địa bàn huyện Châu Thành giai đoạn 2021-2025	CT		8034288		2023-2026	145/QĐ-UBND 13/02/2023	17.934	5.153	12.781	4.500	700	3.800			
*	Dự án khởi công mới							116.668	29.172	87.496	7.100	3.500	3.600			
1	Trường THCS Vĩnh An	VA		8028963		2024-2026	715/QĐ-UBND 24/5/2023	30.051	6.716	23.335	1.600	500	1.100			
2	Trường THCS Vĩnh Hạnh	VH		7977068		2024-2026	2309/QĐ-UBND 15/9/2022	44.256	12.051	32.205	3.500	1.500	2.000			
3	Trường THCS Bình Thạnh	BT		8006139		2024-2026	3128/QĐ-UBND 26/12/2022	42.361	10.405	31.956	2.000	1.500	500			
2	GIAO THÔNG							74.869	29.521	45.348	11.000	529	9.253			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chi tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Theo Quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 13/09/2024)	Vốn đã giải ngân từ khối công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2025			Ghi chú
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:		
									Ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
2.1	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ							74.869	29.521	45.348	11.000	529	9.253			
*	Dự án chuyển tiếp							74.869	29.521	45.348	11.000	529	9.253			
1	Tuyến ĐH.12 (cầu Bình Hòa-ranh Tri Tôn)	CT		7950343		2022-2025	2720/QĐ-UBND 17/11/2021;4311/V PUBND-KTN ngày 20/08/2024	74.869	29.521	45.348	11.000	529	9.253			
B	NGUỒN VỐN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT							53.348	12.493	40.855	48.737	10.526	10.000			
I	CHI TIẾT DỰ ÁN THEO TỪNG NGÀNH, LĨNH VỰC							53.348	12.493	40.855	48.737	10.526	9.000			
1	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP							53.348	12.493	40.855	30.216	1.921	5.286			
1.1	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ										23.474	0	500			
1	Trường THCS An Châu	AC				2023-2026					16.000		300			
2	Trường TH A An Châu	AC				2024-2027					7.474		200			
1.2	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ							53.348	12.493	40.855	6.742	1.921	4.786			
*	Dự án chuyển tiếp							53.348	12.493	40.855	6.046	1.921	4.090			
1	Trường TH A Tân Phú điểm chính (Tân Thành)	TP		8034285		2023-2025	911/QĐ-UBND 22/6/2023; 854/QĐ-UBND 24/5/2024				683	0	683			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chi tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Theo Quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 13/09/2024)	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2025			Ghi chú
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:		
									Ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
2	Trường TH Vĩnh Lợi điểm chính (Hòa Lợi 1)	VL		8042959		2023-2026	1325/QĐ-UBND 17/8/2023; 961/QĐ-UBND 12/6/2024				1.123	0	1.123			
3	Trường THCS Hòa Bình Thạnh điểm chính (Hòa Thạnh)	HBT		7988714		2023-2026	2697/QĐ-UBND 08/11/2022	53.348	12.493	40.855	2.656	1.921	700			
4	Trường TH A Vĩnh An điểm chính (Vĩnh Quới)	VA		8037332		2023-2026	1122/QĐ-UBND 13/7/2023; 771/QĐ-UBND 13/5/2024				504	0	504			
5	Trường THCS Vĩnh Lợi	VL		8027342		2024-2026	474/QĐ-UBND 13/4/2023				1.080	0	1.080			
*	Dự án khởi công mới										696	0	696			
1	Trường THCS Vĩnh An	VA		8028963		2024-2026	715/QĐ-UBND 24/5/2023				696	0	696			
2	GIAO THÔNG										18.521	8.605	3.714			
2.1	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ										18.521	8.605	3.714			
*	Dự án chuyển tiếp															
1	Tuyển ĐH.12 (cầu Bình Hòa-ranh Tri Tôn)	CT		7950343		2022-2025	2720/QĐ-UBND 17/11/2021;4311/V PUBND-KTN ngày 20/08/2024				18.521	8.605	3.714			
II	BÓ TRÍ CÁC NHIỆM VỤ KHÁC												1000			



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chi tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Theo Quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 13/09/2024)	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2025			Ghi chú
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:		
									Ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Nguồn thu tiền sử dụng đất (dành 10% kinh phí đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)												1.000			

